TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2022/QĐST-DS	*B, ngày 14 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 147, Điều 157, khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc*"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bà Lý Thị M, chị Âu Thị T vắng mặt tại phiên hòa giải tuy nhiên đều có V bản với nội dung nhất trí với những nội dung các đương sự đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X- sinh năm 1933. Địa chỉ: Tổ 2, phường PH, thị xã L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thám – Luật sư V phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TH. Địa chỉ: Số nhà 5B, tổ 6, phường HoàngV Thụ, thành phố TN, tỉnh TN.

* Bị đơn: Bà Hứa Thị Ng - sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn K, xã TH, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Âu Đình V - sinh năm 1933. Địa chỉ: Tổ 2, phường PH, thị xã L, tỉnh L..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Âu Đình V là: Bà Âu Thị Kim O - sinh năm 1961. Địa chỉ: Số nhà 083, đường Mường Hoa, tổ 8, phường Bắc Cường, thành phố L, tỉnh L.

- Bà Âu Thị Kim O - sinh năm 1961. Địa chỉ: Số nhà 083, đường Mường Hoa, tổ 8, phường Bắc Cường, thành phố L, tỉnh L.

- Ông Âu Đình Thắng – Sinh năm: 1972.

- Ông Âu Đình Đại – Sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: Số nhà 598 đường Điện Biên Phủ, tổ 2, phường PH, thị xã S tỉnh L

- Chị Âu Thị P1 T – Sinh năm: 1998 (Con đẻ của chị Hứa Thị Ng)

Địa chỉ: 71 Lý Bôn, xã Cẩm Đông, thành phố C, tỉnh Q.

- Cháu Âu Đình V1 – Sinh năm: 2010 (Con đẻ của chị Hứa Thị Ng). Địa chỉ: Thôn K, xã TH, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Âu Đình Tiến (Đã chết năm 2016)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Âu Đình Tiến là chị Lý Thị M, cháu Âu Thị P1, cháu Lý Hồng S1, cháu Lý Thị T1, Cùng địa chỉ: Mịn Con, xã Trù Hựu, huyện L, tỉnh B1

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc T2 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Bắc Kạn.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo uỷ quyền Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận chị Hứa Thị Ng, cháu Âu Thị T và cháu Âu Đình V1 có quyền sử dụng đất đối với các thửa đất:

- Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 26 (Nay là tờ bản đồ 68), diện tích 589,5m^2. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ được xác định bởi các điểm 1,2,5,6,7,1 Địa chỉ: Thôn Nà Ba, xã Th (Nay là Thôn Bản Chàng, xã TH), huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Mảnh trích đo số TĐ:170-2022).

- Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 68, diện tích theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định bởi các điểm 2,3,4,5,2 với diện tích thực tế 108,0m^2. Địa chỉ: Thôn Nà Ba, xã Thanh Bình (Nay là Thôn Bản Chàng, xã TH), huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Mảnh trích đo số TĐ:170-2022) .

- Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 29 (Nay là tờ bản đồ số 71) theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ với diện tích 1028,9m^2 được xác định bởi các điểm 1,11,10,9,8,7,5,4,3,2,1. Địa chỉ: Thôn K, xã TH, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (Mảnh trích đo số 175-2022).

- Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 29 (Nay là tờ bản đồ số 71), diện tích theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định bởi các điểm 1,2,3,10, 7,8,9,1 là 1348,9m^2. Địa chỉ: Thôn K, xã TH, huyện C, tỉnh B (Mảnh trích đo số TĐ: 171-2022).

- Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 118 tờ bản đồ số 71) ,

theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,12,11,7,10,1 với diện tích 134,9m^2. Địa chỉ: Thôn K, xã TH, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Mảnh trích đo số TĐ: 174-2022).

- **Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 29 (Nay là tờ bản đồ số 71),** diện tích 115,5m^2 theo kết quả xem xét thẩm định được xác định bởi các điểm 13,14, 15,7, 8,9,13. Địa chỉ: Thôn K, xã TH, huyện C, tỉnh B (Mảnh trích đo số TĐ: 172-2022).

(Các thửa đất tranh chấp được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2022 có mảnh trích đo địa chính và bảng tọa độ các điểm mốc kèm theo.)

2.2. Nguyên đơn không yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- GCNQSDĐ số BU 927555 ngày 31/12/2013 của UBND huyện C cấp cho hộ ông Âu Đình Minh và bà Hứa Thị Ng, đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 26 (Nay là tờ bản đồ số 68).

- GCNQSDĐ số BU 927556 ngày 31/12/2013 của UBND huyện C cấp cho hộ ông Âu Đình Minh và bà Hứa Thị Ng, đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 26 (Nay là tờ bản đồ số 68).

- GCNQSDĐ số CA 017528 ngày 26/4/2017 của UBND huyện C cấp cho ông Âu Đình Minh và bà Hứa Thị Ng, đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 29 (Nay là tờ bản đồ số 71).

- GCNQSDĐ số BU 927558 ngày 31/12/2013 của UBND huyện C cấp cho hộ ông Âu Đình Minh và bà Hứa Thị Ng, đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 29 (Nay là tờ số 71)

- GCNQSDĐ số BU 927560 ngày 31/12/2013 của UBND huyện C cấp cho hộ ông Âu Đình Minh và bà Hứa Thị Ng, đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 29 (Nay là tờ bản đồ số 71)

- GCNQSDĐ số BU 927559 ngày ngày 31/12/2013 của UBND huyện C cấp cho hộ ông Âu Đình Minh và bà Hứa Thị Ng, đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 71)

2.3. Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2004 (Giấy thừa kế ủy quyền) giữa ông Âu Đình V và ông Âu Đình Minh có hiệu lực pháp luật.

2.4. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/9/2013 giữa ông Âu Đình V, bà Phạm Thị Xvà ông Âu Đình Minh, bà Hứa Thị Ng có hiệu lực pháp luật

2.5. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền ngôi nhà sàn, tiền bồi thường phần diện tích đất nhà nước thu hồi và tiền đất chị Ng đã chuyển nhượng cho người khác.

2.6. Bị đơn bà Hứa thị Ng có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Xvà ông Âu Đình V số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*).

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án,

quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2.7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền: 9.000.000 đ (chín triệu đồng). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.8. Về án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*)

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Xtự nguyện chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Xđược miễn án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

- Bị đơn bà Hứa Thị Ng tự nguyện chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000074, ngày 11/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Bị đơn bà Hứa Thị Ng còn phải nộp 4.700.000đ (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ngy sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh b;
- Cục THADS tỉnh b
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Hữu Truyền